TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

2. Ông Nguyễn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc C**, S1 năm: 1985

Địa chỉ: Tổ 71, chung cư nhà 1, phòng 201, đường Mỹ An 21, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. ***Bị đơn:*** Ông **Trịnh Văn S1**, S1 năm: 1980

Địa chỉ: Tổ 71, chung cư nhà 1, phòng 201, đường Mỹ An 21, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2023, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trịnh Văn S1 kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại H03, K113/17 Phó Đức Chính, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, đến năm 2017 thì chuyển về ở tại phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Hiện nay hai vợ chồng không còn phù hợp nhau về mọi mặt, cả hai không còn tình cảm gì với nhau, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trịnh Văn S1.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Trịnh Nguyên Thiên T, sinh ngày 27/7/2010 và Trịnh Gia K, sinh ngày 15/7/2016. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trịnh Văn S1 đã được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông S1 trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông S1 vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Trịnh Văn S1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 69; Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với ông Trịnh Văn S1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với ông Trịnh Văn S1.

Về con chung: Giao hai con Trịnh Nguyên Thiên T, sinh ngày 27/7/2010 và Trịnh Gia K, sinh ngày 15/7/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trịnh Văn S1 vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Trịnh Văn S1 kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo khai nại của bà C, sau khi cưới thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên hiện nay hai vợ chồng không còn phù hợp nhau về mọi mặt, cả hai không còn tình cảm gì với nhau.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông S1 tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, từ năm 2020 cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Việc bà C cương quyết xin ly hôn còn ông S1 vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án cũng không có ý kiến của ông S1 để hòa giải, động viên vợ chồng về sống đoàn tụ gia đình, nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà C trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông S1 được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Trịnh Văn S1 hiện sống tại tổ 21, chung cư nhà 1, phòng 201, đường Mỹ An 21, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại, cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn thế nào thì tổ không nắm rõ

vì hai bên không đề nghị tổ giải quyết hay hòa giải. Nay vợ chồng yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Trịnh Văn S1 thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn ông Trịnh Văn S1 để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng bà C và ông S1 có 02 con chung tên là Trịnh Nguyên Thiên T, sinh ngày 27/7/2010 và Trịnh Gia K, sinh ngày 15/7/2016. Ly hôn, bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu Thiên T và Gia K hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ từ trước đến nay nên cuộc sống của các cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con; hơn nữa cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao hai cháu Trịnh Nguyên Thiên T và Trịnh Gia K cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc bà C không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà C nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản chung: Bà C xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà C xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với ông Trịnh Văn S1.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với ông Trịnh Văn S1.

2. Về con chung: Giao hai con Trịnh Nguyên Thiên T, sinh ngày 27/7/2010 và Trịnh Gia K, sinh ngày 15/7/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Trịnh Văn S1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009666 ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm